

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10469 /UBND-TN

Nhơn Trạch, ngày 06 tháng 12 năm 2024

V/v triển khai Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản, bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản, bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (**đính kèm**), Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, nghiên cứu triển khai thực hiện Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND huyện (qua Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện) xem xét xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, các PVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, TH (Ti,S).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Tân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6992/TTr-STC ngày 18 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết về:

1. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai.

2. Bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Đối với các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Nội dung quy định tại Quyết định này áp dụng đối với trường hợp tài sản đủ điều kiện bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 4. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản

1. Việc bồi thường chi phí di chuyển tài sản đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản theo quy định tại Điều 104 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

a) Trường hợp di chuyển tài sản trong phạm vi địa giới hành chính cấp huyện, mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 6.000.000 đồng cho mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

b) Trường hợp di chuyển tài sản ngoài phạm vi địa giới hành chính cấp huyện, mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 8.000.000 đồng cho mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

c) Trường hợp di chuyển tài sản ngoài phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh, mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 10.000.000 đồng cho mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

d) Trường hợp cho thuê nhà để ở có hợp đồng cho thuê nhà được cơ quan, người có thẩm quyền xác nhận theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực thì người cho thuê nhà được bồi thường chi phí di chuyển bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức bồi thường tương ứng được quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Việc bồi thường chi phí di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; bồi thường đối với thiệt hại (nếu có) khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất được thực hiện như sau:

a) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng phương án giá bồi thường chi phí di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; bồi thường đối với thiệt hại (nếu có) khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất cho từng tài sản cụ thể; gửi cơ quan tài chính cấp huyện để chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn cùng cấp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức bồi thường cho từng tài sản cụ thể.

b) Trong trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thực hiện được theo quy định tại điểm a khoản này, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chủ đầu tư dự án thuê tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá để xác định mức giá bồi thường chi phí di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; bồi thường đối với thiệt hại (nếu có) khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất làm cơ sở xây dựng phương án giá bồi thường chi phí di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; bồi thường đối với thiệt hại (nếu có) khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; gửi cơ quan tài chính cấp huyện để chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn cùng cấp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức bồi thường.

c) Trường hợp cơ quan tài chính cấp huyện và cơ quan chuyên môn cùng cấp không thống nhất phương án giá bồi thường do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan tài chính cấp huyện chủ trì, phối hợp chủ đầu tư dự án thuê tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá khác để xác định lại bồi thường chi phí di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất; bồi thường đối với thiệt hại (nếu có) khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức bồi thường.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, chi phí thuê tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm thanh toán và được tính vào chi phí đầu tư của dự án.

Điều 5. Bồi thường chi phí di dời mỏ mả khi Nhà nước thu hồi đất

Việc bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mỏ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 88/2024/ND-CP được thực hiện như sau:

1. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, xây dựng mới mỏ mả trong trường hợp di dời mỏ mả đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai:

a) Mộ xây ốp đá hoa cương: 36.700.000 đồng/mộ.

- b) Mộ xây ốp gạch ceramic: 21.200.000 đồng/mộ.
- c) Mộ đất: 12.000.000 đồng/mộ.
- d) Mộ đá ong hoặc mộ xây đơn giản: 20.000.000 đồng/mộ.
- đ) Miếu thờ dọc đường, bàn thiên: 950.000 đồng/cái.

2. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, xây dựng mới mồ mả trong trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí trong nghĩa trang theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai:

- a) Mộ xây ốp đá hoa cương: 31.700.000 đồng/mộ.
- b) Mộ xây ốp gạch ceramic: 16.200.000 đồng/mộ.
- c) Mộ đất: 8.000.000 đồng/mộ.
- d) Mộ đá ong hoặc mộ xây đơn giản: 15.850.000 đồng/mộ.
- đ) Miếu thờ dọc đường, bàn thiên: 950.000 đồng/cái.

3. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc mồ mả và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mả đến vị trí mới: 10.000.000 đồng/mộ.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2024 và bãi bỏ Điều 3, khoản 2 Điều 4, Điều 5 Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và quy định của Quyết định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

3. Đối với dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được áp dụng các chính sách có lợi hơn cho người có đất thu hồi đã được xác định tại Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan khác (nếu có) kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTN, KTNS, BTCD.
(38 bộ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

